TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/02/2021
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Phước Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Thúy

2. Ông Phạm Văn Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Thân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên tòa:* Ông Khương Hoài Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị S, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 09, ấp X, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn S2, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội (Có mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế T2, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch NHCSXH huyện G.

Người được ủy quyền lại: Ông Phan Thanh Tuấn T3, chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch NHCSXH huyện G.

- Chị Võ Thị Cẩm V, sinh năm 1991

- Anh Võ Văn L, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Chổ ở hiện nay: Tổ 09, ấp X, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị V, anh L: Ông Ngô Văn S3, sinh năm 1972, địa chỉ: Tổ 32, khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Ang Giang. Theo giấy ủy quyền được chứng thực ngày 09/01/2019 tại UBND xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

- Em Võ Hữu T4, sinh ngày 14/6/2004.

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

Chổ ở hiện nay: Tổ 09, ấp X, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của em T4: Ông Trần Duy K– Trợ giúp viên trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị S trình bày: Bà S và ông Võ Văn S2 chung sống vào năm 1990 có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên bà S cảm thấy không thể sống chung được nữa nay bà yêu cầu giải quyết cho bà những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà S xin được ly hôn với ông Võ Văn S2

Về quan hệ con chung: Bà S và ông S2 chung sống với nhau có 03 người con cụ thể như sau: Võ Thị Cẩm V, sinh năm 1991 (đã có gia đình), Võ Văn L, sinh năm 1998 (đã có gia đình), Võ Hữu T4, sinh năm 2004. Bà S xin được nuôi dưỡng cháu T4 và tự nguyện không yêu cầu ông S2 cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà S yêu cầu Tòa án chia các tài sản chung là quyền sử dụng đất, tuy nhiên vào ngày 31/8/2020 bà S đã rút lại toàn bộ yêu cầu về tài sản do bà và ông S2 cùng các con đã thỏa thuận được với nhau về tài sản chung. Tại phiên Tòa hôm nay, bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung vì vợ chồng và các con đã tự thỏa xong gồm: Quyền sử dụng đất số CO 249534 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 05/12/2018 (được ông Võ Văn S2 tách từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 989596 được UBND huyện G cấp ngày

20/11/2008); Quyền sử dụng đất số CM 665558 được UBND huyện G cấp ngày 10/5/2019; Quyền sử dụng đất số BS 304024 được UBND huyện G cấp ngày 26/3/2018.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện G số tiền theo sổ vay vốn là 42.000.000 đồng, do ông S2 đứng tên vay. Nay ly hôn bà S tự nguyện trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo sổ vay vốn cho Ngân hàng khi đến hạn.

Từ khi thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn S2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông S2 không đến Tòa. Tại bản tự khai ngày 04/9/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông S2 trình bày như sau: Vào năm 1990 ông và bà Ngô Thị S tự tìm hiểu, chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Nay bà S yêu cầu ly hôn ông có ý kiến sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì ông và bà S đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Về quan hệ con chung: Ông S2 và bà S chung sống với nhau có 03 người con chung gồm: Võ Thị Cẩm V, sinh năm 1991 (đã có gia đình), Võ Văn L, sinh năm 1998 (đã có gia đình), Võ Hữu T4, sinh năm 2004 vì cháu T4 đến nay chưa đủ 18 tuổi thì tùy theo nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung: Gồm có quyền sử dụng đất số CO 249534 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 05/12/2018 (được tách từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 989596 do UBND huyện G cấp ngày 20/11/2008); Quyền sử dụng đất số CM 665558 được UBND huyện G cấp ngày 10/5/2019; Quyền sử dụng đất số BS 304024 được UBND huyện G cấp ngày 26/3/2018 đến nay vợ, chồng đã tự thỏa thuận xong và giao hết cho các con gồm Võ Thị Cẩm V, Võ Hữu T4, Võ Văn Lvà giao cho Võ Văn L đại diện đứng tên trên các giấy chứng nhận đã được chỉnh lý biến động vào ngày 23/9/2020 nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ, chồng còn nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện G số tiền theo sổ vay vốn là 42.000.000 đồng do ông đứng tên vay. Nay ly hôn ông đồng ý cho bà S trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo sổ vay vốn cho Ngân hàng khi đến hạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Võ Thị Cẩm V, anh Võ Văn L thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Văn S3 trình bày: Ngày 18/2/2019 chị V và anh Lcó làm đơn yêu cầu độc lập yêu cầu được chia mỗi người một kỷ phần đối với quyền sử dụng đất số AB 989596 được UBND huyện G cấp ngày 20/11/2008 do đây là tài sản cấp cho hộ gia đình, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị V, anh L đã thỏa thuận được với bà S, ông S2 về tài sản nêu trên nên đến ngày 31/8/2020 chị V, anh Lcó đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập của mình và không có yêu cầu nào khác.

- Em Võ Hữu T4 thông qua người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Trần Duy K – trợ giúp viên trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang trình bày Ngày 18/2/2019 em T4 có làm đơn yêu cầu độc lập yêu cầu được chia một kỷ phần đối với quyền sử dụng đất số AB 989596 được UBND huyện G cấp ngày 20/11/2008 do đây là tài sản cấp cho hộ gia đình, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án em T4 đã tự thỏa thuận được với bà S, ông S2 về tài sản nêu trên nên đến ngày 31/8/2020 em T4 có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập của mình và không có yêu cầu nào khác. Đề nghị HĐXX ghi nhận và đình chỉ đối với yêu cầu độc của em T4 và ghi nhận nguyện vọng của em T4 xin được ở với mẹ.

- Ngân hàng chính sách xã hội thông qua người được ủy quyền lại ông Phan Thanh Tuấn T3 trình bày: Bà S, ông S2 còn nợ ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 42.000.000 đồng. Nay bà S tự nguyện nhận trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho ngân hàng thay cho ông S2 khi đến hạn đại điện ngân hàng hoàn toàn đồng ý.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Các giấy chứng nhận QSD đất (photo) gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 989596 được UBND huyện G cấp ngày 20/11/2008; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 249534 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 05/12/2018 (được ông Võ Văn S2 tách từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 989596 được UBND huyện G cấp ngày 20/11/2008); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 665558 được UBND huyện G cấp ngày 10/5/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 304024 được UBND huyện G cấp ngày 26/3/2018; các giấy tờ về nhân thân của bà bà S, ông S2 (bản phô tô).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm:

Ngân hành chính sách cung cấp hồ sơ vay vốn, giấy ủy quyền.

Chị V, anh L, em T4 cung cấp gồm giấy khai sinh (photo), giấy ủy quyền.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Ngô Thị S và ông Võ Văn S2 là vợ chồng; Về quan hệ con chung: Ghi nhận nguyện vọng của em T4 và ghi nhận sự tự nguyện của bà S không yêu cầu ông S2 cấp dưỡng; Về tài sản chung: Do không có yêu cầu nên không xem xét; Về nợ chung: Ghi nhận việc bà S tự nguyện trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc là 42.000.000đ và tiền lãi phát sinh khi đến hạn.

Đề nghị HĐXX đình chỉ đối với các yêu cầu độc lập do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã làm đơn xin rút yêu cầu.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tạm ứng án phí đối với yêu cầu về tài sản cho bà S do bà S rút yêu cầu. Trả lại tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập cho chị V, anh L, em T4 do có đơn xin rút yêu cầu độc lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn S2. Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Võ Văn S2 có nơi cư trú tại ấp R, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Bà S và ông S2 đều thừa nhận chung sống với nhau vào năm 1990 nhưng cho đến nay ông, bà vẫn không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 14 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"*.

Do đó đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà S, ông S2 không phải quan hệ vợ chồng. Vì vậy HĐXX nhận thấy cần tuyên bố quan hệ giữa bà S và ông S2 không phải là quan hệ vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà S và ông S2 có với nhau 03 người con gồm Võ Thị Cẩm V, sinh năm 1991 (đã có gia đình), Võ Văn L, sinh năm 1998 (đã có gia đình), Võ Hữu T4, sinh ngày 14/6/2004. Chị V và anh L đã trưởng thành và đã có gia đình nên HĐXX không xem xét. Đối với em Võ Hữu T4 thì có nguyện vọng được ở cùng mẹ là bà Ngô Thị S nên HĐXX chấp nhận nguyện vọng của em T. Ghi nhận sự tự nguyện của bà S không yêu cầu ông S2 cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung:

Nguyên đơn bà Ngô Thị S đã có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung nên HĐXX ghi nhận. Trường hợp được quy

định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 244 quy định: **Xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu**

"2. Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút."

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Võ Thị Cẩm V, anh Võ Văn L, em Võ Hữu T đã có đơn xin rút lại yêu cầu độc lập yêu cầu về tài sản nên HĐXX nhận định cần đình chỉ các yêu cầu độc lập của chị V, anh L, em T4. Trường hợp được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điểm c khoản 1 Điều 217 quy định: Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự

"1. Sau khi thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền của mình, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trong các trường hợp sau đây:....

c) Người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện hoặc nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, trừ trường hợp họ đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan;

..."

[7] Về nợ chung: HĐXX nhận định bà S, ông S2 còn nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện G số tiền theo sổ vay vốn là 42.000.000 đồng, do ông S2 đứng tên vay. Nay bà S tự nguyện trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi khi đến hạn thay ông S2 cho ngân hàng và cũng được ngân hàng đồng ý nên HĐXX ghi nhận để làm cơ sở cho ngân hàng xử lý nợ sau này khi đến hạn trả nợ gốc và lãi.

[8] Về án phí: Bà S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật. Trả lại tạm ứng án phí đối với yêu cầu về tài sản cho bà S do bà S có đơn xin rút yêu cầu. Trả lại tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập cho chị V, anh L, em T4 do có đơn rút yêu cầu độc lập.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Ngô Thị S và ông Võ Văn S2 không phải là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu Võ Hữu T4 cho bà Ngô Thị S trôm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T4 đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà S không yêu cầu ông S2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông S2 được đảm bảo quyền thăm nom con chung và các quyền khác được quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về quan hệ tài sản:

Do các đương sự đã tự thỏa thuận xong và bà S có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung, chị Võ Thị Cẩm V, anh Võ Văn L, em Võ Hữu T4 có đơn xin rút yêu cầu độc lập nên HĐXX

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của bà Ngô Thị S

Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Võ Thị Cẩm V.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của anh Võ Văn L.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của em Võ Hữu T4.

4. Về nợ chung: Ghi nhận việc bà S tự nguyện trả số tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) và lãi phát sinh phát sinh theo sổ vay vốn thay ông S2 khi đến hạn trả nợ.

5. Về án phí:

Bà Ngô Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng cho bà S theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004768 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả lại số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) cho chị Võ Thị Cẩm V theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004797 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả lại số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) cho anh Võ Văn L theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004798 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả lại số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) cho em Võ Hữu T4 theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004799 ngày 01/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/02/2021);

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- CC THA DS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Lâm Phước Lộc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND H. G;
- Chi cục THADDS H. G;
- UBND xã .....;
- Những người TGTT,
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Phước Lộc